

Số: 90/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 78/TTr-STC ngày 29 tháng 5 năm 2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 311/BC-STP ngày 28 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Cục Quản lý Giá, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB; PCVP; các phòng, ban, đơn vị;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu VT, KTTH_{VT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

QUY CHẾ

**Hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu
từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 90/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản Quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Địa chỉ truy cập và điều kiện vận hành Cơ sở dữ liệu về giá

1. Địa chỉ truy cập vào Cơ sở dữ liệu về giá:

a) Địa chỉ truy cập dành cho các công chức của Sở Tài chính và các công chức của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã: <https://csdlgiastc.quangngai.gov.vn>;

b) Địa chỉ truy cập dành cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: <https://csdlgia.quangngai.gov.vn>.

2. Điều kiện vận hành

a) Máy vi tính người sử dụng của các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan phải được kết nối với hạ tầng truyền thông của ngành hoặc phải được kết nối internet; máy vi tính của người sử dụng tại các doanh nghiệp phải được kết nối internet;

b) Máy vi tính người sử dụng phải được cài đặt một trong các trình duyệt web sau: Mozilla Firefox 30.0 trở lên, Internet Explorer 8.0 trở lên và Chrome/Chromium 33.0 trở lên;

c) Máy vi tính sử dụng cập nhật, đăng tải thông tin phải được cài đặt phần mềm quét vi-rút và phần mềm bảo vệ chống mã độc có bản quyền, được cập nhật

thường xuyên nhằm đảm bảo khả năng phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các nguy cơ gây mất an toàn thông tin;

d) Thông tin nhập vào Cơ sở dữ liệu về giá phải sử dụng phông chữ Unicode Tiêu chuẩn Việt Nam 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode Tiêu chuẩn Việt Nam 6909:2001 trước khi tải vào Cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 4. Tài khoản sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá

1. Tài khoản quản trị:

Sở Tài chính được cấp 01 tài khoản quản trị cấp cao nhất, thực hiện nhiệm vụ quản trị người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu, quản trị danh mục từ điển chung của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tài khoản sử dụng:

a) Sở Tài chính: Được cấp 03 tài khoản (*gồm: 01 tài khoản cho lãnh đạo Sở, 01 tài khoản cho Văn phòng Sở; 01 tài khoản cho Phòng Quản lý giá và công sản*) để cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

b) Các đơn vị: Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Ban Quản lý khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi: Mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản (*gồm: 01 tài khoản cho lãnh đạo đơn vị, 01 tài khoản cho chuyên viên*) để cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã: Mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản (*gồm: 01 tài khoản cho lãnh đạo, 01 tài khoản cho chuyên viên*) để cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

d) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan: Được cấp 02 tài khoản (*gồm: 01 tài khoản cho lãnh đạo, 01 tài khoản cho nhân viên*) để cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

3. Quy trình cấp tài khoản sử dụng:

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chưa được cấp tài khoản sử dụng mà theo quy định cần phải tham gia để cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu thì thực hiện đăng ký tài khoản sử dụng theo các bước sau:

a) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp tài khoản gửi yêu cầu cấp tài khoản sử dụng mới đến Sở Tài chính bằng văn bản (*các thông tin trong văn bản đề nghị bao gồm: Họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử*).

b) Sở Tài chính xem xét, tạo tài khoản và phân quyền sử dụng trên Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

c) Tài khoản được cấp trong phong bì được Sở Tài chính gửi đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có yêu cầu, bằng hình thức qua bưu điện hoặc trực tiếp.

d) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhận tài khoản mới và đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

đ) Thời gian xử lý cấp tài khoản không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài chính nhận được văn bản yêu cầu đề nghị cấp tài khoản.

4. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng:

a) Đối với tài khoản dùng chung, phải có cơ chế quy định trách nhiệm của các cá nhân trong quản lý tài khoản.

b) Trường hợp cần thiết bổ sung hoặc thay đổi hoặc hủy bỏ tên người dùng (*do đơn vị được thành lập mới, sáp nhập, chia tách, giải thể*) thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý người dùng gửi văn bản cho Sở Tài chính để thực hiện cập nhật, điều chỉnh hoặc khóa tài khoản sử dụng trong Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá

1. Bảo đảm sự phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về giá của hàng hóa, dịch vụ; đáp ứng kịp thời công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung thông tin, dữ liệu được cập nhật, duy trì thường xuyên, đầy đủ; tăng cường công khai thông tin, dữ liệu về giá; tuân thủ các quy định pháp luật về giá, quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

3. Việc vận hành và khai thác thông tin, dữ liệu phải bảo đảm chặt chẽ, an toàn thông tin, lưu trữ lâu dài. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đúng mục đích, phù hợp với tính chất, yêu cầu của nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trong việc sử dụng, trích dẫn thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, không được cung cấp thông tin, dữ liệu trực tiếp cho bên thứ ba với mục đích thương mại.

Chương II

THU THẬP, CẬP NHẬP VÀ PHÊ DUYỆT DỮ LIỆU TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

Điều 6. Tổ chức thu thập thông tin phục vụ Cơ sở dữ liệu về giá

Thực hiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 29/2024/TT-BTC và các quy định pháp luật hiện hành về giá.

Điều 7. Trách nhiệm cập nhật trên Cơ sở dữ liệu về giá

1. Trách nhiệm cập nhật chung của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

a) Cập nhật giá sản phẩm, dịch vụ công (*dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích*) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, đơn vị ở địa phương;

b) Cập nhật giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ;

c) Cập nhật giá là kết quả thẩm định giá theo Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá tại địa phương.

2. Sở Tài chính

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

b) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm:

- Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (*trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu*).

- Giá cụ thể đối với nước sạch nông thôn.

- Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

- Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

- Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Xây dựng

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm:

- Khung giá đối với dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (*trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc*) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (*bao gồm cảng, bến thủy nội địa, trừ cảng cá*) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa đối với dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

- Giá cụ thể đối với nước sạch đô thị.

- Giá cụ thể đối với dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Giá cụ thể đối với dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (*trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước*).

- Giá cụ thể đối với dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao

5. Sở Y tế

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp định giá gồm:

- Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (*không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu*) áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh; trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (*không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu*) áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh; trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh; trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (*không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu*) áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh; trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

c) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Tư pháp

a) Giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm: Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Sở Công thương

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm: Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Ban Quản lý khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm: Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm:

- Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.

- Hệ số điều chỉnh giá đất thuộc trách nhiệm được phân công theo quy định.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp định giá gồm: Giá cụ thể đối với Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn xã, phường, đặc khu (*trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá*).

c) Báo cáo giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

12. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá.

a) Hồ sơ đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

b) Hồ sơ kê khai của các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

Điều 8. Hình thức cập nhật dữ liệu

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện cập nhật dữ liệu qua tệp excel được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu về giá hoặc nhập trực tiếp trên Cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 9. Cập nhật dữ liệu về giá

1. Cập nhật định kỳ 01 lần/tháng (*chậm nhất ngày 05 hằng tháng*) đối với thông tin, dữ liệu về giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo thị trường.

2. Các doanh nghiệp thực hiện cập nhật văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ trên Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh khi nộp hồ sơ theo quy định của pháp luật.

3. Đối với dữ liệu giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Trong vòng 30 ngày sau khi ban hành văn bản quy định.

4. Các thông tin, dữ liệu cần cập nhật (*được quy định tại Điều 7 Quy chế này*): Khi có văn bản quy định mới ban hành hoặc khi có phát sinh thông tin, dữ liệu.

5. Gửi dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Phê duyệt dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu về giá, sau khi được bộ phận nghiệp vụ cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của lãnh đạo cấp trên bằng tài khoản lãnh đạo đã được cung cấp và phân quyền.

2. Đơn vị cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin được nhập và duyệt để đưa vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 11. Khai thác thông tin, số liệu thông qua Cơ sở dữ liệu về giá

1. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh thì có văn bản nêu rõ nội dung, phạm vi, mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh gửi đến Sở Tài chính. Căn cứ văn bản đề nghị, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu và căn cứ phạm vi dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính có văn bản cung cấp thông tin, dữ liệu phù hợp.

2. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, cập nhật thông tin, chuẩn hóa thông tin về giá phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu về giá ngoài phạm vi quản lý phải được Sở Tài chính đồng ý.

3. Thông tin, số liệu trên Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh được khai thác, sử dụng phục vụ điều hành, thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo về giá của tài

sản, hàng hóa, dịch vụ và các mục đích khác phù hợp với quy định pháp luật khác liên quan.

4. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh vào mục đích cá nhân mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị cung cấp phần mềm và các sở, ban ngành có liên quan trong việc hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Bảo đảm an toàn cho hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

4. Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Kiểm tra dữ liệu trong hệ thống, đôn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả việc cập nhật, khai thác và quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp, hỗ trợ Sở Tài chính về giải pháp kỹ thuật, công nghệ và vận hành hệ thống; đảm bảo Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn; hỗ trợ xử lý sự cố kỹ thuật và đường truyền khi có yêu cầu.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên trên Trung tâm dữ liệu để phục vụ vận hành Cơ sở dữ liệu về giá (*bao gồm: máy chủ, thiết bị lưu trữ, kết nối mạng, bảo mật, giám sát vận hành*); đảm bảo tuân thủ quy định về an toàn thông tin cấp độ 3 và các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

3. Thực hiện sao lưu dữ liệu Cơ sở dữ liệu về giá theo chính sách an toàn thông tin, gồm: sao lưu định kỳ hằng tuần và hằng tháng; lưu tối thiểu một bản sao Offsite tại vị trí độc lập; kiểm tra khả năng khôi phục dữ liệu định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần; đảm bảo khả năng khôi phục đầy đủ khi xảy ra sự cố.

Điều 14. Trách nhiệm chung của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

1. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
2. Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình tham gia vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để được hỗ trợ.
3. Khai thác, sử dụng thông tin theo phân quyền trên hệ thống.
4. Sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đúng mục đích, phù hợp với tính chất, yêu cầu của nhiệm vụ, không được cung cấp thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng, trích dẫn thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
5. Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp.
6. Thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; tham mưu điều chỉnh Quy chế khi cần thiết.
2. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế này.
3. Quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.